

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAKRÔNG**

Số: 358/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dakrông, ngày ..1.01 tháng ..02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Đakrông
đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội khóa XI kỳ họp thứ IV; Luật số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư XDCB;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/09/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định 37/2014/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị Ban hành quy định về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 16/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị đến năm 2020;

Căn cứ Văn bản thẩm định số 18/TĐ-KTHT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của phòng Kinh tế và Hạ tầng về kết quả thẩm định quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Đakrông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại tờ trình số 112/TTr-KTHT ngày 29/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Đakrông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Đakrông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2. Địa điểm: 14 xã, thị trấn thuộc huyện Đakrông.

3. Mục tiêu quy hoạch:

Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Đakrông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 làm cơ sở lựa chọn đầu tư, phân kỳ đầu tư để phát triển mạng lưới giao thông vận tải trên địa bàn huyện phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để cho sự phát triển ngành và lĩnh vực khác.

Đáp ứng nhu cầu vận tải trên địa bàn huyện với chất lượng ngày càng cao, hạn chế tai nạn giao thông. Phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, bền vững, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, đáp ứng yêu cầu về biến đổi khí hậu, cứu hộ, cứu nạn gắn liền với quy hoạch nông thôn mới, góp phần xóa đói giảm nghèo nhanh, phát triển bền vững, phát triển hạ tầng kỹ thuật gắn liền với phát triển kinh tế xã hội của huyện.

4. Nội dung chính của quy hoạch:

4.1. Giai đoạn năm 2015 đến năm 2020.

4.1.1. Phát triển mạng lưới giao thông đường bộ.

Toàn bộ mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn huyện đến năm 2020 có chiều dài dự kiến 534,326 km bao gồm các loại như sau:

- Đường Quốc lộ: 113 km.
- Đường tỉnh: 36,04 km. Được xây dựng theo Quy hoạch của tỉnh.
- Đường chuyên dùng (Đường Biên Phòng) tiếp tục được hoàn thiện nâng cấp nền mặt đường tối thiểu đạt cấp VImn. Chiều dài: 35,11 km.
- Đường nội thị có quy mô phù hợp với cấp đô thị, điều chỉnh theo quy hoạch thị trấn, tỷ lệ rải nhựa, bê tông xi măng đạt 100%. Chiều dài: 16,93km.
- Các tuyến đường huyện tối thiểu đạt tiêu chuẩn cấp Vmn, tỷ lệ rải nhựa, bê tông xi măng đạt 100%. Chiều dài: 58,90 km.
- Đường xã đạt tiêu chuẩn cấp VImn, cá biệt một số tuyến đường đặc biệt và tối thiểu 80-85% mặt đường được nhựa hoá, bê tông. Chiều dài: 143,48 km.
- Hệ thống cầu cống trên các tuyến đường huyện, đường xã được xây dựng kiên cố phù hợp với cấp đường quy hoạch.
- Đường thôn xóm, đường nội đồng theo Quyết định 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ giao thông vận tải và Tiêu chí xây dựng nông thôn mới, kết cấu mặt đường bê tông, nhựa hóa tối thiểu 70%. Tiếp tục mở mới các tuyến đường vào khu di dân khẩn cấp, các tuyến đường phát triển kinh tế trọng điểm. Chiều dài: 130,67 km

Tiếp tục bố trí các nguồn vốn để bảo trì các hệ thống đường huyện, xã.

4.1.2. Phát triển mạng lưới giao thông đường sông.

Gia cố hai bên bờ sông tại các bến đò ngang phục vụ vận tải đảm bảo nhu cầu dân sinh hoạt động hiệu quả, an toàn. Xây dựng các bến bãi cát sạn, bến đò

ngang, tại các xã Mò Ó, Triệu Nguyên và Ba Lòng phục vụ dân sinh và vận chuyển hàng hóa phục vụ cho nông nghiệp, khai thác vật liệu xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

4.1.3. Phát triển mạng lưới cơ khí, vận tải.

Tổ chức dịch vụ vận tải hàng hóa, vận tải hành khách công cộng thuận lợi từ trung tâm huyện về các trung tâm xã, tạo điều kiện đi lại thuận tiện cho người nông dân sống ở khu vực thôn bản, góp phần giảm phương tiện cơ giới cá nhân.

+ Phát triển các loại phương tiện vận tải phù hợp với địa hình, kết cấu hạ tầng giao thông và nhu cầu đi lại của người dân ở khu vực nông thôn, thôn bản.

+ Xây dựng 02 bến xe khách tại Tà Rụt và thị trấn KrôngKlang tối thiểu đạt loại 6. Bố trí điểm dừng, đỗ tại trung tâm xã dọc theo các quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng.

+ Xây dựng ít nhất 02 trung tâm dịch vụ sửa chữa các phương tiện vận tải tại trung tâm thị trấn và xã Tà Rụt.

4.2. Định hướng giai đoạn 2021 đến năm 2030:

4.2.1. Phát triển mạng lưới giao thông đường bộ.

Toàn bộ mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn huyện đến năm 2020 có chiều dài dự kiến 653,160 km. Bao gồm các loại như sau:

- Đường Quốc lộ: 113 km.

- Đường tỉnh lộ: 73,54 km. Xây dựng theo Quy hoạch của tỉnh.

- Đường chuyên dùng (Đường Biên Phòng) tiếp tục được hoàn thiện mở rộng mặt đường theo quy hoạch cấp V và 100% được bê tông hoặc nhựa hoá. Chiều dài: 35,11 km.

- Đường nội thị tiếp tục mở rộng theo quy hoạch phù hợp với cấp đô thị, tỷ lệ rải nhựa, bê tông xi măng đạt 100%. Chiều dài: 26,58 km. Lập kế hoạch bảo trì theo định kỳ

- Các tuyến đường huyện tiếp tục hoàn thiện mặt đường theo quy hoạch, tỷ lệ rải nhựa, bê tông xi măng đạt 100%. Chiều dài: 70,9 km. Lập kế hoạch bảo trì theo định kỳ.

- Đường xã đạt tiêu chuẩn cấp VI, cá biệt một số tuyến đường đặc biệt và tối thiểu 100% mặt đường được nhựa hoá, bê tông xi măng. Chiều dài: 164,93 km.

- Hệ thống cầu cống trên các tuyến đường huyện, đường xã được xây dựng kiên cố phù hợp với cấp đường quy hoạch và tiếp tục được bảo trì.

- Đường thôn xóm, kết cấu mặt đường bê tông, nhựa hóa 95% và cứng hoá 80% đối với đường nội đồng. Tiếp tục mở mới các tuyến đường vào khu tái định cư, khu kinh tế mới phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của huyện. Chiều dài: 168,9 km.

4.2.2. Phát triển mạng lưới giao thông đường sông.

Tiếp tục gia cố hai bên bờ sông tại các bến đò ngang. Xây dựng các bến bãi cát sạn quy mô lớn, nâng cấp bến đò ngang, tại các xã Mò Ó, Triệu Nguyên và Ba Lòng phục vụ vận tải đảm bảo nhu cầu dân sinh hoạt động hiệu quả, an toàn

và vận chuyển hàng hóa phục vụ cho nông nghiệp, khai thác vật liệu xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

4.2.3. Phát triển mạng lưới cơ khí, vận tải.

- Tiếp tục tổ chức, nâng cao dịch vụ vận tải từ trung tâm huyện về các trung tâm xã, đáp ứng được nhu cầu đi lại và phát triển các vùng thôn bản.

- Bố trí điểm dừng, đỗ tại trung tâm xã dọc theo các quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, mở rộng trung tâm dịch vụ sửa chữa các phương tiện vận tải tại trung tâm thị trấn.

5. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Chương trình kiên cố hóa giao thông nông thôn của tỉnh.

- Nâng cấp đường chuyên dùng (Biên phòng) dài 35,11km.

- Ưu tiên nâng cấp các tuyến đường liên huyện Kreng I xã Hướng Hiệp - Hướng Linh, đường Hồ Chí Minh Huyện Thoại. Nâng cấp cầu tràn khe Ra Lây đường vào xã Ba Nang.

- Nâng cấp và xây dựng mới đường liên xã ĐaKrông - Mò Ó - Triệu Nguyên đi Ba Lòng Hải Phúc.

- Nâng cấp hệ thống đường và công trình giao thông vào khu định canh định cư A Pun, xã Tà Rụt.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống đường và công trình vào khu định canh định cư Pi Rao, khu di dân lũ ống lũ quét ở Tà Rụt và khu tái định cư xã Húc Nghi...

- Ưu tiên xây dựng mới một số tuyến đường xã, thôn xóm theo đồ án quy hoạch đã phê duyệt.

6. Nhu cầu vốn và giải pháp thực hiện:

6.1. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển giao thông vận tải huyện Đakrông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Tổng nhu cầu nguồn vốn đầu tư là: 3.819,11 tỷ đồng.

Giai đoạn 2013- 2015: 338,13 tỷ đồng.

Giai đoạn 2016-2020: 843,63 tỷ đồng.

Giai đoạn 2021-2030: 2.637,35 tỷ đồng.

Trong đó:

Đường chuyên dùng:

Giai đoạn 2013-2015: 10,5 tỷ đồng.

Giai đoạn 2016-2020: 105,30 tỷ đồng.

Giai đoạn 2021-2030: 361,57 tỷ đồng.

Đường huyện:

Giai đoạn 2013-2015: 18,83 tỷ đồng.

Giai đoạn 2016-2020: 302,5 tỷ đồng.

Giai đoạn 2021-2030: 531,53 tỷ đồng.

Đường nội thị:

Giai đoạn 2013-2015:	12,19 tỷ đồng.
Giai đoạn 2016-2020:	21,5 tỷ đồng.
Giai đoạn 2021-2030:	256,96 tỷ đồng.

Đường xã:

Giai đoạn 2013-2015:	185,39 tỷ đồng.
Giai đoạn 2016-2020:	207,77 tỷ đồng.
Giai đoạn 2021-2030:	789,07 tỷ đồng.

Đường xóm, nội đồng:

Giai đoạn 2013-2015:	111,22 tỷ đồng.
Giai đoạn 2016-2020:	206,56 tỷ đồng.
Giai đoạn 2021-2030:	698,22 tỷ đồng.

6.2. Giải pháp thực hiện phát triển giao thông vận tải huyện Đakrông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Huy động tối đa mọi nguồn vốn để phát triển giao thông vận tải trên địa bàn huyện theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt. Đặc biệt cần chú trọng sử dụng các nguồn vốn vay ODA và tranh thủ các nguồn vốn viện trợ trong và ngoài nước để đầu tư phát triển giao thông vận tải; khuyến khích, huy động các thành phần kinh tế tham gia xây dựng các loại hình giao thông vận tải. Xem xét, cân đối trên tổng thể nền kinh tế của huyện để có kế hoạch các dự án cụ thể.

Đường chuyên dùng:

Giai đoạn 2015: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 35,11 km.

Giai đoạn 2016-2020: Nâng cấp sửa chữa: 35,11 km.

Giai đoạn 2021-2030: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 35,11 km.

Đường huyện:

Giai đoạn 2013-2015: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 31 km.

Giai đoạn 2016-2020: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 31km. Xây dựng mới: 27,9 km.

Giai đoạn 2021-2030: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 58,9 km. Xây dựng mới: 12km.

Đường nội thị:

Giai đoạn 2013-2015: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 16,25 km.

Giai đoạn 2016-2020: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 16,25 km. Xây dựng mới: 0,68km.

Giai đoạn 2021-2030: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 16,93km. Xây dựng mới: 9,65km.

Đường xã:

Giai đoạn 2013-2015: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 116,68km. Xây dựng mới: 0,88km km.

Giai đoạn 2016-2020: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 117,56. Xây dựng mới: 25,92 km.

Giai đoạn 2021-2030: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 143,48km. Xây dựng mới: 21,45km.

Đường xóm, nội đồng:

Giai đoạn 2013-2015: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 84,72km. Xây dựng mới: 19,67km.

Giai đoạn 2016-2020: Xây dựng mới: 26,28km.

Giai đoạn 2021-2030: Duy tu bảo dưỡng - Nâng cấp sửa chữa: 168,9km. Xây dựng mới: 38,23km.

Điều 2: Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch.

Phòng Kinh tế Hạ Tầng chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong huyện công bố rộng rãi Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; định kỳ cập nhật, đề xuất, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện và giao thông của tỉnh.

Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện tham mưu UBND cân đối phân bổ nguồn kinh phí hợp lý phục vụ công tác Quy hoạch.

Trên cơ sở Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, UBND các xã, thị trấn trong huyện chỉ đạo lập và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển giao thông nông thôn của địa phương mình phù hợp với Quy hoạch này; hàng năm có trách nhiệm báo cáo phòng Kinh tế và Hạ tầng tổng hợp, gửi UBND huyện xem về tình hình triển khai, thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch huyện, Kinh tế và Hạ tầng huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và thủ trưởng các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Chánh, PVP;
- Lưu: VT, CVXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

